

Số: 01/2025/QĐST- LD

Hải Phòng, ngày 18 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hợp đồng lao động vô hiệu

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Thư ký phiên họp: Ông Trịnh Khắc Huy- Thư ký Tòa án

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3, Hải Phòng tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Hồng Ly- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, thành phố Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 03/2025/TLST- LD ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Vũ Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ: Số E đường C, phường K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bảo hiểm xã hội thành phố H

Địa chỉ: Số B đường H, phường H, Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị H, chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

- Công ty TNHH C; địa chỉ: K, Quốc lộ E, phường H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Sang Baek K, chức vụ: Tổng Giám đốc; vắng mặt.

- Ông Vũ Văn T1, sinh năm 1974; địa chỉ: Bản N, xã T, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 17/7/2025 và quá trình giải quyết vụ việc, người yêu cầu là ông Vũ Văn T trình bày:

Năm 2004, ông Vũ Văn T có nguyện vọng xin lao động tại Công ty C1 (viết tắt là H1), có địa chỉ tại K Quốc lộ E, phường S, quận H (nay là phường H) thành phố Hải Phòng. Ngày 14/9/2004, ông T đã sử dụng hồ sơ của anh trai ông T là ông Vũ Văn T1, sinh ngày 11/12/1974, địa chỉ: Số E P, phường L, quận L, thành phố Hải Phòng (nơi ở hiện nay: Bản Nôm, xã T, tỉnh Điện Biên) để xin làm việc tại Công ty H1. Ngày 26/4/2018, Công ty H1 đã thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 2 đổi tên mới là Công ty TNHH C2 (viết tắt là D Phòng) và đến ngày 26/4/2023 Công ty C2 đã thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 4 với tên mới là Công ty TNHH C (sau đây viết là Công ty).

Theo tài liệu hồ sơ lao động, ngày 22/9/2004 Công ty đã ký hợp đồng lao động số 401076 với ông Vũ Văn T nhưng thực tế hồ sơ lại mang tên ông Vũ Văn T1. Trong thời gian làm việc tại Công ty, ông T luôn thực hiện đúng hợp đồng lao động, chấp hành kỷ luật nội quy lao động. Chính vì vậy hàng năm Công ty đã ký hợp đồng lao động với ông T, cụ thể:

Từ ngày 22/12/2004 đến hết ngày 22/6/2010, Công ty đã ký hợp đồng lao động số 401076 xác định thời hạn và từ ngày 01/01/2011 Công ty đã ký hợp đồng lao động số 401076 không xác định thời hạn với ông T. Do hồ sơ xin việc của ông T nộp cho Công ty mang tên ông Vũ Văn T1 nên mọi chế độ quyền lợi hiện tại và tương lai của ông T sau này liên quan đến bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... sẽ không được giải quyết.

Ông T đã làm đơn xin Công ty Đ thông tin nhân sự và nộp hồ sơ đầy đủ mang tên Vũ Văn T nên được Công ty ký lại hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 401076 ngày 04/9/2024.

Để điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố Hợp đồng lao động số 401076 đã ký giữa Công ty C1 (nay là Công ty TNHH C) với ông Vũ Văn T1 (theo sổ bảo hiểm xã hội số 0306003004) là vô hiệu. Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội nói trên không phải là ông Vũ Văn T1 mà là ông Vũ Văn T. Ngoài ra, ông T không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Tại Công văn ngày 03/11/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH C trình bày: Công ty TNHH C (tên trước đây là Công ty C1, Công ty TNHH C2), xác nhận thông tin của CBCNV có tên dưới đây như sau: Ông Vũ Văn T, sinh ngày 15/12/1976, số CCCD: 031076009612. Ngày 05/07/2004 ông T đã vào làm tại Công ty với hồ sơ mang tên Vũ Văn T1, sinh 11/12/1974, hợp đồng lao động số 401076. Đến nay, ông T có làm đơn xin Công ty Đ thông tin nhân sự và nộp một bộ hồ sơ đầy đủ mang tên Vũ Văn T sinh 15/12/1976, do hồ sơ đã nộp trước đây là mượn của anh trai Vũ Văn Tuyển sinh 11/12/1974. Nay ông T có đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động trên vô hiệu là có căn cứ, đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hải Phòng xem xét chấp nhận yêu cầu của ông T.

Công ty nhận thấy việc làm của ông T đã vi phạm tính trung thực và nội quy Công ty. Tuy nhiên, Công ty xét thấy trong quá trình làm việc tại Công ty, ông T làm việc đều đặn, hoàn thành công việc được giao; chấp hành tốt nội quy/quy chế làm việc của Công ty nên Công ty đã ký lại Hợp đồng lao động với ông T theo đúng thông tin cá nhân của ông T.

Tại Bản tự khai ngày 31/10/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn T1 khai:

Năm 2004, em trai ông T1 là ông Vũ Văn T đã mượn bằng nghề, giấy tờ tùy thân và sử dụng tên của ông Vũ Văn T1 để làm hồ sơ xin việc tại Công ty C1.

Ngày 22/9/2004, Công ty ký Hợp đồng lao động số 401076 với ông Vũ Văn T. Sau khi ký Hợp đồng lao động, ông T đã làm việc cho Công ty đến nay. Do hồ sơ xin việc của ông T nộp cho Công ty mang tên ông Vũ Văn T1 nên mọi quyền lợi của người lao động như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của ông T đều mang tên ông Vũ Văn T1. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông T có đơn yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động số 401076 vô hiệu. Ông T1 đồng ý với toàn bộ yêu cầu của ông T.

Tại Công văn số 1171/BHXXH-QLT&PTNTG ngày 05/11/2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố H trình bày: Căn cứ dữ liệu người tham gia trên hệ thống phần mềm quản lý ngành BHXXH, ông Vũ Văn T1, sinh ngày 11/12/1974, số căn cước công dân 03307401096, mã số BHXXH 0306003004 có thời gian tham gia BHXXH từ tháng 10/2004 đến tháng 11/2025 tại Công ty TNHH C (tổng thời gian tham gia BHXXH là 21 năm 02 tháng).

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Hải Phòng phát biểu: Về các trình tự, thủ tục tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ông Vũ Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 3- Hải Phòng nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Yêu cầu về việc “tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” là loại việc lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại khoản 1 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện tại Công ty TNHH C; địa chỉ: K, Quốc lộ E, phường H, thành phố Hải Phòng; nên căn cứ Điều 35 và điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên họp, các đương sự đều vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự theo quy định tại các khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu của đương sự:

[3] Theo trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc thể hiện: Ngày 22/9/2004 ông Vũ Văn T ký kết hợp đồng lao động số 401076 và làm việc tại Công ty C1 (nay là Công ty TNHH C) dưới tên ông Vũ Văn T1. Khi giao kết hợp đồng lao động, ông T đã cung cấp thông tin cá nhân và hồ sơ, giấy tờ của ông T1. Do đó, hàng tháng Công ty đã thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động tên Nguyễn Văn T2 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 0306003004 trong khoảng thời gian từ tháng 10/2004 đến tháng 11/2025.

[4] Theo Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 quy định: *Quan hệ lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động được xác lập và tiến hành qua thương lượng, thỏa thuận theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau, thực hiện đầy đủ những Điều đã cam kết.* Theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: *Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực.* Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: *Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu* và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: *Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu.* Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: *Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền* và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: *Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này.* Theo Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L thì: *“... Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...”*.

[5] Từ các nhận định [3] và [4], việc ông T mượn hồ sơ cá nhân của ông T2 để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội số 0306003004 trong khoảng thời gian từ tháng 10/2004 đến tháng **11/2025** tại Công ty C1 (nay là Công ty TNHH C) là hành vi vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ. Như vậy, căn cứ Điều 401, khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự cần chấp nhận yêu cầu của ông T về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động số 401076 vô hiệu. Xác định người lao động tại Công ty C1 (nay là Công ty TNHH C) trong giai đoạn từ tháng 10/2004 đến tháng **11/2025** là ông Vũ Văn T không phải là ông Vũ Văn T1.

[6] Về lệ phí: Ông Vũ Văn T phải chịu lệ phí lao động sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; các điều 149, 361; 368; 370; 371; 372; 401 và 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; các điều 50; 51 và 52 của Bộ luật Lao động năm 2012; khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; các điều 49; 50 và 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Vũ Văn T.

- Tuyên bố hợp đồng lao động số 401076 giữa ông Vũ Văn T1 (do ông Vũ Văn T ký kết) với Công ty C1 (nay là Công ty TNHH C) (theo sổ bảo hiểm xã hội số 0306003004) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 0306003004 không phải là ông Vũ Văn T1, sinh năm 1974, căn cước công dân số 03307401096 mà là ông Vũ Văn T, sinh năm 1976, căn cước công dân số **031076009612**.

- Các đương sự có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội thành phố H để thực hiện các thủ tục liên quan đến việc điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Vũ Văn T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu số **0003263 ngày 08/10/2025** của Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3- Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- THA DS TP. Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, VP.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Bích Thủy